

Số: 52 /2023 CV/VCS-QHCĐ

V/V: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh
riêng công ty mẹ Quý II năm 2023

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ Quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý II.2023	Quý II.2022	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,058,656,164,230	1,660,596,568,684	(601,940,404,454)	(36.25)
11	Giá vốn hàng bán	795,616,874,435	1,175,477,287,689	(379,860,413,254)	(32.32)
20	Lợi nhuận gộp	263,039,289,795	485,119,280,995	(222,079,991,200)	(45.78)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28,110,659,646	32,191,706,820	(4,081,047,174)	(12.68)
22	Chi phí tài chính	17,902,688,670	33,034,502,686	(15,131,814,016)	(45.81)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	12,106,255,867	7,559,554,247	4,546,701,620	60.15
25	Chi phí bán hàng	30,525,471,237	47,686,020,824	(17,160,549,587)	(35.99)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,659,804,978	15,565,284,073	(1,905,479,095)	(12.24)
31	Thu nhập khác	199,212,722	285,357,207	(86,144,485)	(30.19)
32	Chi phí khác	3,074,835,461	148,799,776	2,926,035,685	1,966.42
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	226,186,361,817	421,161,737,663	(194,975,375,846)	(46.29)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35,552,275,839	70,745,784,737	(35,193,508,898)	(49.75)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	190,634,085,978	350,415,952,926	(159,781,866,948)	(45.60)

II. Nguyên nhân biến động

Vicostone và các doanh nghiệp nói chung đã trải qua những tháng đầu năm 2023 đầy thách thức, hoạt động sản xuất và kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô toàn



cầu. Lạm phát vẫn đang ở mức cao, lãi suất tăng làm cho doanh thu bán hàng của Công ty bị suy giảm do sản phẩm của Công ty không phải hàng hóa thiết yếu.

Nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 601,940,404,454 đồng (36.25%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 379,860,413,254 đồng (32.32%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 222,079,991,200 đồng (45.78%). Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm từ 29.21% (Quý II.2022) xuống 24.85% (Quý II.2023)

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 4,081,047,174 đồng (12.68%), nguyên nhân:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 4,619,625,475 đồng.

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 538,578,301 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm: 15,131,814,016 đồng (45.81%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm: 19,678,515,636 đồng.

- Chi phí lãi vay tăng: 4,546,701,620 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm: 17,160,549,587 đồng (35.99%), nguyên nhân chính:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm: 17,590,724,685 đồng.

- Chi phí nhân viên bán hàng giảm: 107,648,494 đồng.

- Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ tăng: 565,126,953 đồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: 1,905,479,095 đồng (12.24%).

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 194,975,375,846 đồng (46.29%), lợi nhuận sau thuế giảm 159,781,866,948 đồng (45.60%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính giảm, chi phí lãi vay tăng.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

